

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya**

**Bài học ngày 18/2/2021**

---

## **110. Tiểu Kinh Mãn Nguyệt (Cūlapuṇṇama Sutta)**

*Cũng như kinh trước đây là pháp thoại được Bạc Đạo Sư giảng trong ngày trăng tròn nên gọi là Kinh Mãn Nguyệt. Ngắn hơn bài kinh trước nên bài này gọi là tiểu kinh. Trong bài kinh này Đức Phật đặc biệt đề cập đến khả năng nhận thức: người ác không thể phân biệt ai thiện, ai ác. Ngược lại, người thiện dễ dàng biết được ai ác, ai thiện. Đức Phật cũng mô tả chi tiết thế nào là người ác và người thiện.*

### **530. Người ác không biết được ai ác, ai thiện**

*Để hiểu thực tánh của người ác và người thiện thì một người phải vượt khỏi cảnh giới ác xấu. Nếu không thì khó lượng định rõ ràng:*



### **Kinh Văn**

Như vậy tôi nghe: Một thời Thế Tôn trú ở Sāvathī, tại Pubbārāma (Đông Viên) Migāramātu pāsāde (Lộc Mẫu Giảng đường).

Lúc bảy giờ trong ngày Bô-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăm rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng và bảo các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, một người bất chánh (asappurisa) có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này", hay không?

-- Bạch Thế Tôn, không biết được.

-- Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo không thể có sự tình, không thể có sự kiện, một người bất chánh có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này." Này các Tỷ-kheo, nhưng một người bất chánh có thể biết một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

-- Bạch Thế Tôn, không biết được.

-- Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo không thể có sự tình, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này".

### **531. Thế nào là một người ác**

*Người ác không đơn thuần chỉ có hành động ác xấu:*



#### **Kinh Văn**

Người bất chánh, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư như người bất chánh, tư lường như người bất chánh, nói năng như người bất chánh, hành động như người bất chánh, có tà kiến như người bất chánh, bố thí như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bất tín, vô tâm, vô quý, nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh giao du với những người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Bà-la-môn nào bất tín, vô tâm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu với người bất chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh giao du với người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh suy tư như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh suy nghĩ tự làm hại mình, suy nghĩ làm hại người khác, suy nghĩ làm hại cả hai... Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh suy tư như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh tư lường như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh tư lường tự làm hại mình, tư lường làm hại người, tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh tư lường như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh nói năng như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh nói lời nói láo, nói lời hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm. Như vậy này các Tỷ-kheo, là người bất chánh nói năng như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh hành động như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh sát sanh, lấy của không cho, làm các tà hạnh

trong các dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh hành động như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh có tà kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người bất chánh bố thí như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bố thí một cách vô lễ, bố thí không phải tự tay, bố thí không có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật không cần dùng, bố thí không nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh bố thí như người bất chánh.

Này các Tỷ-kheo, người bất chánh ấy, đầy đủ pháp bất chánh như vậy, giao du với người bất chánh như vậy, suy tư như người bất chánh như vậy, tư lường như người bất chánh như vậy, nói năng như người bất chánh như vậy, hành động như người bất chánh như vậy, có tà kiến như người bất chánh như vậy, bố thí như người bất chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người bất chánh? Địa ngục hay là bàng sanh.

### **532. Người thiện, trái lại với người ác, biết được ai thiện, ai ác**

*Người hiền thiện như người đứng cao có thể thấy được cả hai tầng lớp cao thấp:*



### **Kinh Văn**

Này các Tỷ-kheo, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

-- Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này các Tỷ-kheo! Sự tình này xảy ra là người chơn chánh có thể biết được người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này". Nhưng này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này" hay không?

-- Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, có sự tình này là người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này".

### 533. Thế nào là người thiện

*Một người thiện trí đúng nghĩa không phải chỉ có hành động thiện mà còn có sự minh mẫn trong nhận thức:*



#### **Kinh Văn**

Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như các bậc chơn chánh, tư lường như các bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tâm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần, tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh đầy đủ những Chánh pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tâm, có lòng quý nghe nhiều, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.

Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh?

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ không nói láo, từ bỏ không nói hai lưỡi, từ bỏ không nói ác khẩu, từ bỏ không nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh hành động như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm các tà hạnh trong dâm dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh hành động như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh có chánh kiến như bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có chánh kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh. Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.

Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh ấy, đầy đủ Chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có chánh kiến như người như người chơn chánh như vậy, bố thí như người chơn chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người chơn chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người chơn chánh? Đại tánh của chư Thiên hay đại tánh của loài Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Phân đoạn & chú thích: Tỷ kheo Giác Đăng*  
-ooOoo-

**Kinh số 110 [tóm tắt]**  
**Tiểu Kinh Mãn Nguyệt**  
**(Cūlapuṇṇama Sutta)**  
**(M.ii, 20)**

Đức Thế Tôn nêu lên những đặc tính phân biệt người bất chánh với người chân chánh.

Người bất chánh không thể biết được người bất chánh, cũng không thể biết được người chân chánh. Người bất chánh có những đặc tánh sau:

- 1/ Đầy đủ pháp bất chánh,
- 2/ Giao du với người bất chánh,
- 3/ Suy tư tính toán như người bất chánh,
- 4/ Nói năng như người bất chánh,
- 5/ Hành động như người bất chánh,
- 6/ Có tà kiến như người bất chánh,
- 7/ Bồ thí như người bất chánh.

Đầy đủ pháp bất chánh là bảy pháp: bất tín, vô tầm, vô quý, nghe ít, biếng nhác, thất niệm và liệt tuệ. Giao du với người bất chánh là người có những pháp bất chánh nói trên. Suy tư, tính toán như người bất chánh là suy tính tự hại mình, hại người, hại cả hai. Nói năng bất chánh là bốn ác nghiệp của miệng. Hành động bất chánh là ba ác nghiệp của thân. Có tà kiến là không tin luật nhân quả. Bồ thí bất chánh là bồ thí một cách vô lễ, không tự tay bồ thí, không suy tư kỹ lưỡng đối với vật cho và người nhận bồ thí, không nghĩ đến tương lai, bồ thí vật không cần dùng, đáng quăng bỏ.

Người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư, tính toán, nói năng, hành động bất chánh như vậy, sau khi chết sẽ sanh vào cảnh giới của người bất chánh, đó là địa ngục hay bàng sanh.

Người chân chánh hay ngược lại, có thể biết được ai là người bất chánh, ai là người chân chánh. Người này đầy đủ chánh pháp, giao du với bậc chân chánh, suy nghĩ, tính toán chân chánh, nói năng, hành động chân chánh, có chánh kiến, bồ thí chân chánh. Đầy đủ chánh pháp là có lòng tin, có tầm, có quý, nghe nhiều, tinh cần, chánh niệm, trí

tuệ. Giao du chân chánh là giao du với những vị có bảy pháp chân chính ấy. Suy tư chân chánh là suy tư đều không hại mình, không hại người, không hại cả hai.

Nói chân chánh là từ bỏ bốn ác nghiệp của miệng. Hành động chân chánh là từ bỏ ba ác nghiệp về thân. Có chánh kiến là biết nhân quả. Bồ thí chân chánh là có lễ độ, tự tay cho, suy tư kỹ lưỡng, cho vật cần dùng, bồ thí có nghĩ tương lai (tin tưởng kết quả bồ thí). Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ sanh vào cảnh giới chư Thiên hay loài người.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*  
-ooOoo-

Kinh số 110 [dàn ý]  
**Tiểu Kinh Mãn Nguyệt**  
**(Cūḷapunnama Sutta)**  
(M.iii, 20)

**A. Duyên khởi:**

Thế Tôn xác nhận, một người bất chánh không thể biết được một người bất chánh và một người chân chánh.

**B. Chánh kinh:**

Thế Tôn định nghĩa tám pháp của người bất chánh và nêu rõ dị thực của người bất chánh.

Thế Tôn nói đến tám pháp của người chân chánh và quả dị thực của người chân chánh.

**C. Kết luận:**

Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*  
-ooOoo-

Kinh số 110 [toát yếu]  
**Tiểu Kinh Mãn Nguyệt**  
**(Cūlapuṇṇama Sutta)**  
(M.iii, 20)

## I. TOÁT YẾU

*Cūlapuṇṇama Sutta - The Shorter Discourse on the Full-moon Night.*

*The Buddha explains the differences between an "untrue man" and a "true man".*

*Bản kinh ngắn thuyết vào đêm rằm.*

*Phật giảng sự khác biệt giữa một người bất chính và một người chân chính.*

## II. TÓM TẮT

Phật ở Đông viên, giảng đường Lộc mẫu, vào ngày rằm bố-tát dạy chúng tỳ kheo về chính và bất chính.

1. Người bất chính (asappurisa [1]) không thể biết được một người là bất chính hay chân chính. Người bất chính là kẻ đầy đủ pháp bất chính; giao du với người bất chính, suy tư như người bất chính, nói năng như người bất chính, hành động bất chính, có tà kiến, bỏ thí một cách bất chính. Đầy đủ pháp bất chính là: bất tín, vô tâm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ. Giao du với người bất chính là làm bạn với những kẻ có các pháp bất chính như trên. Suy tư bất chính là nghĩ những việc tự hại, hại người, hại cả hai. Nói năng bất chính là nói láo, hai lưỡi, ác khẩu, vô ích. Hành động bất chính là sát sinh, tà hạnh trong các dục. Tà kiến là tuyên bố không có bố thí và quả báo, thiện ác không có kết quả, không có đời này đời sau, các loại hóa sanh, ở đời không có sa môn, bà-la-môn tự chứng thánh trí và truyền dạy lại. Bố thí bất chính là không tự tay bố thí, bố thí một cách vô lễ, không nghĩ kỹ, bố thí vật không cần, bố thí không nghĩ tương lai. Người đầy đủ pháp bất chính như vậy, sau chết sanh vào cảnh giới của kẻ bất chính là địa ngục hoặc bàng sanh.

2. Người chân chính thì có thể biết được một người khác là chân chính hay bất chính. Người chân chính là người đầy đủ chính pháp, giao du các bậc chân chính, suy nghĩ chân chính, có chánh kiến, bố thí chân chính. Và "chân chính" thì ngược lại với những gì là bất chính nói trên.

## III. CHÚ GIẢI

1. *Asappurisa*, Kinh số chú thích là *pāpapurisa*, một kẻ xấu ác.



## IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

## V. KỆ TỤNG

1. Thế Tôn dạy chúng ta  
Về chính và bất chính  
Kẻ bất chính khó phân  
Người chính với kẻ tà.

2. Bất chính là một người  
Đầy đủ pháp bất chính  
Giao du kẻ ác nhân  
Nghĩ nói làm đều quấy.

3. Bồ thí cũng phi chân  
Trong cách cho, vật thí.  
Khi thân hoại mạng chung  
Đọa bàng sanh ngã quý.

4. Pháp bất chính nghĩa là  
Không tin, không hổ thẹn  
Ít nghe và lười biếng  
Thất niệm lại ngu đần.

5. Giao du kẻ bất chính  
Là thường kết bạn thân  
Với những người có đủ  
Pháp bất chính như trên.

6. Suy tư cùng toan tính  
Đều tự hại, hại người  
Hoặc hại đến cả hai  
Là tư duy bất chính.

7. Nói dối, ác, ly gián  
Hai lưỡi và phù phiếm  
Sát sinh, trộm, tà dâm  
Là nói làm bất chính.

8. Bồ thí không chính chân  
Không tự tay, vô lễ

Đem cho vật không cần  
Không nghĩ đến tương lai.

9. Có tà kiến nghĩa là  
Bác bỏ nghiệp và quả  
Phủ nhận đời này, sau  
Thánh nhân và cha mẹ.

10. Một con người chân chính  
Biết kẻ chính người tà  
Đầy đủ pháp chính chân  
Giao du người hiền thiện.

11. Tín tâm quý đa văn  
Tinh cần niệm và tuệ  
Đây gọi là chính pháp  
Theo chính ấy, bạn hiền.

12. Nghĩ chính: không tự hại  
Hoặc hại đến mình, người  
Nói chính: không hai lưỡi  
Lời dối, thô, phù phiếm.

13. Chánh kiến tin nhân quả  
Có cha mẹ, thánh nhân  
Sự bố thí chính chân:  
Tự tay cho vật cần.

14. Một con người chân chính  
Đầy đủ pháp chính chân  
Nghĩ, nói, làm đều tốt  
Mạng chung sinh cõi lành.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

## 110. Cūlapuṇṇamasuttaṃ [Mūla]

91. Evaṃ me suttaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvatthiyaṃ viharati pubbārāme migāramātipāsāde. Tena kho pana samayena **Bhagavā** tadahuposathe pannarase puṇṇāya puṇṇamāya rattiyā bhikkhusaṅghaparivuto abbhokāse nisinno hoti. Atha kho **Bhagavā** tuṇhībhūtaṃ tuṇhībhūtaṃ bhikkhusaṅghaṃ anuviloketvā bhikkhū āmantesi : "jāneyya nu kho, bhikkhave, asappuriso asappurisaṃ : 'asappuriso ayaṃ bhavanti?' "no hettaṃ, bhante. "Sādhu, bhikkhave aṭṭhānametaṃ, bhikkhave, anavakāso yaṃ asappuriso asappurisaṃ jāneyya : 'asappuriso ayaṃ bhavanti. Jāneyya pana, bhikkhave, asappuriso sappurisaṃ : 'sappuriso ayaṃ bhavanti?' "no hettaṃ, bhante. "Sādhu, bhikkhave etampi kho, bhikkhave, aṭṭhānaṃ anavakāso yaṃ asappuriso sappurisaṃ jāneyya : 'sappuriso ayaṃ bhavanti. Asappuriso, bhikkhave, assaddhammasamannāgato hoti, asappurisabhatti [asappurisabhattī (sabbattha)] hoti, asappurisacintī hoti, asappurisamantī hoti, asappurisavāco hoti, asappurisakammanto hoti, asappurisadiṭṭhi [asappurisadiṭṭhī (sabbattha)] hoti asappurisadānaṃ deti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso assaddhammasamannāgato hoti? idha, bhikkhave, asappuriso assaddho hoti, ahiriko hoti, anottappī hoti, appassuto hoti, kusīto hoti, muṭṭhassati hoti, duppañño hoti. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso assaddhammasamannāgato hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso asappurisabhatti hoti? idha, bhikkhave, asappurisassa ye te samaṇabrāhmaṇā assaddhā ahirikā anottappino appassutā kusītā muṭṭhassatino duppaññā tyāssa mittā honti te sahāyā. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso asappurisabhatti hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso asappurisacintī hoti? idha, bhikkhave, asappuriso attabyābādhāyapi ceteti, parabyābādhāyapi ceteti, ubhayabyābādhāyapi ceteti. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso asappurisacintī hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso asappurisamantī hoti? idha, bhikkhave, asappuriso attabyābādhāyapi manteti, parabyābādhāyapi manteti, ubhayabyābādhāyapi manteti. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso asappurisamantī hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso asappurisavāco hoti? idha, bhikkhave, asappuriso musāvādī hoti, piṣuṇavāco hoti, pharusavāco hoti, samphappalāpī hoti. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso asappurisavāco hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso asappurisakammanto hoti? idha, bhikkhave, asappuriso pāṇātipātī hoti, adinnādāyī hoti, kāmesumicchācārī hoti. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso asappurisakammanto hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso asappurisadiṭṭhi hoti? idha, bhikkhave, asappuriso evaṃdiṭṭhi [evaṃdiṭṭhī (sī. pī.), evaṃdiṭṭhiko (syā. kaṃ.)] hoti : 'natthi dinnam, natthi yiṭṭham, natthi hutam, natthi sukata dukkaṭānaṃ [sukkaṭa dukkaṭānaṃ (sī. pī.)] kammānaṃ phalaṃ vipāko, natthi ayaṃ loko, natthi paro loko, natthi mātā, natthi pitā, natthi sattā opapātikā, natthi loke samaṇabrāhmaṇā sammaggatā [samaggatā (ka.)] sammāpaṭipannā, ye imaṅca lokam paraṅca lokam sayam abhiññā sacchikatvā pavedentīti. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso asappurisadiṭṭhi hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, asappuriso asappurisadānaṃ deti? idha, bhikkhave, asappuriso asakkaccaṃ dānaṃ deti, asahatthā dānaṃ deti, acittikatvā dānaṃ deti, apaviṭṭham dānaṃ deti anāgamanadiṭṭhiko dānaṃ deti. Evaṃ kho, bhikkhave, asappuriso asappurisadānaṃ deti.

"So, bhikkhave, asappuriso evaṃ saddhammasamannāgato, evaṃ asappurisabhatti, evaṃ asappurisacintī, evaṃ asappurisantī, evaṃ asappurisavāco, evaṃ asappurisakammanto, evaṃ asappurisaditthi evaṃ asappurisadānaṃ datvā kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā yā asappurisānaṃ gatiṃ tattha upapajjati. Kā ca, bhikkhave, asappurisānaṃ gatiṃ? nirayo vā tiracchānayoṇi vā.

92. "Jāneyya nu kho, bhikkhave, sappuriso sappurisaṃ : 'sappuriso ayaṃ bhavanti? 'evaṃ , bhante. "Sādhu, bhikkhave tṭhānametaṃ, bhikkhave, vijjati yaṃ sappuriso sappurisaṃ jāneyya : 'sappuriso ayaṃ bhavanti. Jāneyya pana, bhikkhave, sappuriso asappurisaṃ : 'asappuriso ayaṃ bhavanti? "evaṃ, bhante. "Sādhu, bhikkhave etampi kho, bhikkhave, tṭhānaṃ vijjati yaṃ sappuriso asappurisaṃ jāneyya : 'asappuriso ayaṃ bhavanti. Sappuriso, bhikkhave, saddhammasamannāgato hoti, sappurisabhatti hoti, sappurisacintī hoti, sappurisantī hoti, sappurisavāco hoti, sappurisakammanto hoti, sappurisaditthi hoti sappurisadānaṃ deti. "Kathaṅca, bhikkhave, sappuriso saddhammasamannāgato hoti? idha, bhikkhave, sappuriso saddho hoti, hirimā hoti, ottappī hoti, bahussuto hoti, āradhaviṛiyo hoti, upatṭhitassati hoti, paññavā hoti. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso saddhammasamannāgato hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, sappuriso sappurisabhatti hoti? idha, bhikkhave, sappurisassa ye te samaṇabrāhmaṇā saddhā hirimanto ottappino bahussutā āradhaviṛiyā upatṭhitassatino paññavanto tyāssa mittā honti, te saḥāyā. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso sappurisabhatti hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, sappuriso sappurisacintī hoti? idha, bhikkhave, sappuriso nevattabyābādhāya ceteti, na parabyābādhāya ceteti, na ubhayabyābādhāya ceteti. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso sappurisacintī hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, sappuriso sappurisantī hoti? idha, bhikkhave, sappuriso nevattabyābādhāya manteti, na parabyābādhāya manteti, na ubhayabyābādhāya manteti. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso sappurisantī hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, sappuriso sappurisavāco hoti? idha, bhikkhave, sappuriso musāvādā paṭivirato hoti, piṣuṇāya vācāya paṭivirato hoti, pharusāya vācāya paṭivirato hoti, samphappalāpā paṭivirato hoti. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso sappurisavāco hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, sappuriso sappurisakammanto hoti? idha, bhikkhave, sappuriso paṇātipātā paṭivirato hoti, adinnādānā paṭivirato hoti, kāmesumicchācārā paṭivirato hoti. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso sappurisakammanto hoti. "Kathaṅca , bhikkhave, sappuriso sappurisaditthi hoti? idha, bhikkhave, sappuriso evaṃditthi hoti : 'atthi dannaṃ, atthi yitthaṃ, atthi huttaṃ, atthi sukata dukkaṭānaṃ kammaṇaṃ phalaṃ vipāko, atthi ayaṃ loko , atthi paro loko, atthi mātā, atthi pitā, atthi sattā opapātikā, atthi loke samaṇabrāhmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā ye imaṅca lokānaṃ paraṅca lokānaṃ sayānaṃ abhiññā sacchikatvā pavedentīti. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso sappurisaditthi hoti. "Kathaṅca, bhikkhave, sappuriso sappurisadānaṃ deti? idha, bhikkhave, sappuriso sakkaccaṃ dānaṃ deti, sahatthā dānaṃ deti, cittikatvā dānaṃ deti, anapavittānaṃ dānaṃ deti, āgamanaditthiko dānaṃ deti. Evaṃ kho, bhikkhave, sappuriso sappurisadānaṃ deti. "So, bhikkhave, sappuriso evaṃ saddhammasamannāgato, evaṃ sappurisabhatti, evaṃ sappurisacintī, evaṃ sappurisantī, evaṃ sappurisavāco, evaṃ sappurisakammanto,

evaṃ sappurisadiṭṭhi evaṃ sappurisdānaṃ datvā kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā yā sappurisānaṃ gatiṃ tattha upapajjati. Kā ca, bhikkhave, sappurisānaṃ gatiṃ devamahattatā vā manussamahattatā vāti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Cūḷapunnāmasuttaṃ niṭṭhitaṃ dasamaṃ.

Devadahavaggo niṭṭhito paṭhamaṃ.

Tassuddānaṃ :

Devadahaṃ pañcattayaṃ, kinti-sāma-sunakkhattaṃ.

Sappāya-gaṇa-gopaka-mahāpunnācūḷapunnāñcāti..

-ooOoo-

## 110. Cūlapuṇṇamasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

91. **Evam me sutanti** cūlapuṇṇamasuttam. Tattha **tuṇhībhūtam tuṇhībhūtanti** yaṃ yaṃ disaṃ anuviloketi, tattha tattha tuṇhībhūtameva. **Anuviloketvāti** pañcapasādapaṭimaṇḍitāni akkhīni ummīletvā tato tato viloketvā antamaso hatthakukkuccapādakukkuccānampi abhāvaṃ disvā. **Asappurisoti** pāpapuriso. **No hetam, bhanteti** yasmā andho andham viya so taṃ jānituṃ na sakkoti, tasmā evamāhaṃsu. Eteneva nayena ito paresupi vāresu attho veditabbo. **Assaddhasamannāgoti** pāpadhammasamannāgato. **Asappurisabhattīti** asappurisevano. **Asappuriscintīti** asappuriscintāya cintako. **Asappurisantīti** asappurisantanaṃ mantetā. **Asappurisavācoti** asappurisavācaṃ bhāsītā. **Asappuridakammantoti** asappuridakammānaṃ kattā. **Asappurisadiṭṭhīti** asappurisadiṭṭhiyā samannāgato. **Asappurisdānanti** asappurisehi dātabbaṃ dānaṃ. **Tyāssa mittāti** te assa mittā. **Attabyābādhāyapi cetetīti** pāṇaṃ hanissāmi, adinnaṃ ādiyissāmi, micchā carissāmi, dasa akusalakammaṃ pathe samādāya vattissāmīti evaṃ attano dukkhatthāya cinteti. **Parabyābādhāyāti** yathā asuko asukaṃ pāṇaṃ hanti, asukassa santakaṃ adinnaṃ ādiyati, dasa akusalakammaṃ pathe samādāya vattati, evaṃ naṃ āṇāpessāmīti evaṃ parassa dukkhatthāya cinteti. **Ubhayabyābādhāyāti** ahaṃ asukañca asukañca gahetvā dasa akusalakammaṃ pathe samādāya vattissāmīti evaṃ ubhayadukkhatthāya cintetīti.

**Attabyābādhāyapi mantetīti** ādīsu ahaṃ dasa akusalakammaṃ pathe samādāya vattissāmīti mantento attabyābādhāya manteti nāma. Asukaṃ dasa akusalakammaṃ pathe samādāpessāmīti mantento parabyābādhāya manteti nāma. Aññaena saddhiṃ – “mayam ubhopi ekato hutvā dasa akusalakammaṃ pathe samādāya vattissāmā”ti mantento ubhayabyābādhāya manteti nāma.

**Asakkaccaṃ dānaṃ detīti** deyyadhammampi puggalampi na sakkaroti. Deyyadhammaṃ na sakkaroti nāma uttaṇḍulādidosasamannāgataṃ āhāraṃ deti, na pasannaṃ karoti. Puggalaṃ na sakkaroti nāma nisīdanaṭṭhānaṃ asammajjitvā yattha vā tattha vā nisīdāpetvā yaṃ vā taṃ vā ādhāraṃ ṭhapetvā dānaṃ deti. **Asahatthāti** attano hatthena, na deti, dāsakammakārādīhi dāpeti. **Acittikatvāti** heṭṭhā vuttanayena deyyadhammepi puggalepi na cittikāraṃ katvā deti. **Apaviddhanti** chaḍḍetukāmo hutvā vammike uragaṃ pakkhipanto viya deti. **Anāgamanadiṭṭhikoti** no phalapāṭikañkhī hutvā deti.

**Tattha upapajjati** na dānaṃ datvā niraye upapajjati. Yaṃ pana tena pāpaladdhikāya micchādassanaṃ gahitaṃ, tāya micchādiṭṭhiyā niraye upapajjati. Sukkapakkho vuttapaṭipakkhanayena veditabbo. **Devamahattatāti** chakāmāvacaradevā. **Manussamahattatāti** tiṇṇaṃ kulānaṃ sampatti. Sesam sabbattha uttānameva. Idaṃ pana suttaṃ suddhavaṭṭavaseneva kathitanti.

Papañcasūdanīyā majjhimanīkāyaṭṭhakathāya

Cūḷapunnāmasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.

Paṭhamavaggavaṇṇanā niṭṭhitā.

-ooOoo-